

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07/6/2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Chu Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Huy

Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Hưng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Thúy D - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018; Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 146/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2018 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Đội 4, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt tại phiên tòa.

2/. *Bị đơn*: Anh Vũ Xuân T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

3/. *Người làm chứng*:

- Bà Vũ Thị H, sinh năm 1964.

Trú tại: Đội 4, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. (*Vắng mặt*).

- Bà Trần Thị Phương, sinh năm 1972.

Trú tại: Khu 2, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Xuân T sau thời gian tự nguyện tìm

hiếu đã đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện Kinh Môn vào tháng 8/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống cùng bố mẹ đẻ anh T tại thị trấn P, Kinh Môn; vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị biết anh T sử dụng ma túy đá; mặt khác anh T không chịu làm ăn để lo cho cuộc sống của gia đình, vợ con. Bản thân chị cùng gia đình đã rất nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau; nhiều lần do giận anh T nên chị đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ nhưng sau đó anh T có nói sẽ thay đổi nên chị lại quay về gia đình để tiếp tục chung sống. Từ năm 2015, do mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên tháng 4/2015 chị đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở huyện T, thành phố Hải Phòng sinh sống cho đến nay; vợ chồng không còn quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Đến nay do vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Xuân T.

- *Về con chung*: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Vũ Diệu N, sinh ngày 17/5/2014. Từ khi vợ chồng ly thân năm 2015 thì cháu ở cùng với chị, tháng 3/2018 thì anh T đón cháu về sống cùng anh T tại thị trấn P, Kinh Môn và học mầm non tại Trường mầm non tư thục C ở thị trấn M, Kinh Môn. Khi vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; tự nguyện không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

- *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quan điểm của bị đơn, anh Vũ Xuân T khai*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Nguyễn Ngọc D sau thời gian tự nguyện tìm hiểu đã đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện Kinh Môn vào tháng 8/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì anh đi làm lái xe nâng ở Trung Quốc thì chị D cùng con lại về quê ngoại sinh sống. Khi anh đi làm về có nói chuyện với chị D thì chị D có nói là thời gian này chị D làm công nhật cho sân golf nên cần phải ở huyện T, thành phố Hải Phòng để làm ăn. Thời gian này vợ chồng vẫn chung sống với nhau bình thường, anh khi đi làm về vẫn đến gia đình nhà ngoại để thăm con. Tết Nguyên đán năm 2017 thì vợ chồng vẫn về gia đình tại thị trấn P để ăn Tết, sau đó thì anh lại tiếp tục đi làm ăn ở Trung Quốc; khoảng 1 - 2 tháng sau anh về và bảo chị D về gia đình tại P sinh sống thì chị D lấy lý do công việc nên không về. Thời gian này thỉnh thoảng anh có bắt gặp những tin nhắn của người đàn ông khác nhắn tin tình cảm cho chị D qua điện thoại và zalo; anh có nhắc nhở nhưng chị D phản ứng và khóa điện thoại bằng mật khẩu, không để cho anh xem điện thoại. Từ đó chị D ở lại hẳn tại nhà bố mẹ đẻ ở Thủy Nguyên, Hải Phòng sinh sống cho đến nay; anh khi đi làm về

vẫn sang bên đó ăn cơm, chơi với con và đưa tiền cho chị D chi tiêu, lo cho con cái nhưng không ngủ lại đó vì chị D không cho anh đụng chạm vào người. Đến thời gian gần đây thì chị D nói với anh là vợ chồng không còn tình cảm và đòi ly hôn. Anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn; nếu chị D vẫn nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- *Về con chung*: Anh T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Diệu N, sinh ngày 17/5/2014. Từ khi chị D làm công việc ở sân golf và ở lại gia đình bố mẹ đẻ thì cháu N ở cùng mẹ; đến tháng 3/2018 thì anh đón cháu N về sống cùng anh tại P, Kinh Môn. Khi vợ chồng ly hôn thì nguyện vọng của anh muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu và tự nguyện không yêu cầu chị D phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Anh T xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người làm chứng, bà Vũ Thị H (mẹ đẻ chị D) khai*: Chị D và anh Vũ Xuân T sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng tại thị trấn P, Kinh Môn; cuộc sống của vợ chồng chị D, anh T không có hạnh phúc. Do ở bên gia đình chồng tại P, Kinh Môn không có việc làm nên từ năm 2015 chị D đã về gia đình bà ở và xin việc làm tại đó; thỉnh thoảng bên gia đình anh T có việc gì thì chị D mới về. Khi vợ chồng gặp nhau tại gia đình bà thì lần nào anh T, chị D cũng cãi nhau rồi T bỏ về; cháu D có nói với bà về việc anh T có biểu hiện sử dụng ma túy đá, không quan tâm gì đến vợ con nên vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, thực tế vợ chồng sống ly thân, thường xuyên mâu thuẫn; cuộc sống không có hạnh phúc. Bà đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết cho chị D được ly hôn với anh T.

Vợ chồng chị D, anh T có 01 con chung là cháu Vũ Diệu N, sinh ngày 17/5/2014. Từ ngày chị D làm công việc ở sân golf thì mẹ con chị D ở tại gia đình bà; từ ngày mẹ con chị D về sống ở đó gia đình bà vẫn tạo điều kiện thuận lợi cho mẹ con chị D về nơi ăn ở, giúp đỡ việc trông nom, chăm sóc con. Từ tháng 3/2018 thì anh T đón cháu N về sống tại thị trấn P, Kinh Môn để nuôi dưỡng.

Nguyện vọng của bà là nếu vợ chồng cháu ly hôn thì đề nghị Tòa án giao cháu N cho cháu D trực tiếp nuôi dưỡng, về phía gia đình bà sẽ tạo điều kiện giúp đỡ cháu trong việc trông nom, chăm sóc cháu N.

- *Bà Trần Thị Phương (mẹ đẻ anh T) khai*: Anh T và chị Nguyễn Ngọc D đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện Kinh Môn vào tháng 8/2013; Do chị D và anh T còn trẻ tuổi nên vợ chồng nhiều khi cũng xảy ra xung đột; năm

2016 chị D cùng con lại về quê ngoại sinh sống, Bà cũng chỉ nghe anh T nói có đọc được tin nhắn tình cảm của người đàn ông khác nhắn cho chị D nên anh T không đồng ý cho chị D làm việc ở sân golf ở Thủy Nguyên, Hải Phòng; nhưng chị D không đồng ý, vẫn nhất quyết ở lại gia đình bố mẹ đẻ và làm việc tại Thủy Nguyên, không về Kinh Môn sinh sống cùng anh T. Thời gian này bà có biết cháu D xin ly hôn với cháu T, bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Vợ chồng anh T, chị D có 01 con chung là cháu Vũ Diệu N, sinh ngày 17/5/2014; từ khi vợ chồng anh T, chị D sống ly thân thì cháu ở cùng chị D. Từ tháng 3/2018 thì anh T đón con về sống tại thị trấn P, Kinh Môn. Vợ chồng bà đã ly hôn, nhưng hiện nay vợ chồng bà đã giao cho anh T sử dụng tài sản là căn nhà tại thị trấn P để bố con anh T ở.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh T và yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng con chung; xác định: từ ngày 13/5/2018 chị đã đón cháu N về nuôi dưỡng tại gia đình bố mẹ đẻ chị tại Thủy Nguyên, Hải Phòng. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu anh D phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- Bị đơn là anh Vũ Xuân T trong quá trình Tòa án giải quyết đã có mặt theo Giấy triệu tập, trình bày lời khai và cung cấp tài liệu chứng cứ. Tuy nhiên khi được Tòa án triệu tập để tham gia tố tụng tại phiên tòa thì lại vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và của Tòa án; bị đơn chưa chấp hành và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Ngọc D được ly hôn anh Vũ Xuân T. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Ngọc D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Diệu N - sinh ngày 17/5/2014 đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc D phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Vũ Xuân T hiện đang cư trú, sinh sống tại thị trấn P, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 31/5/2018, Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn đã mở phiên tòa để xét xử vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đã được tổng đạt hợp lệ cho anh T, tuy nhiên anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đối với anh T. Tại phiên tòa hôm nay, anh T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Ngọc D và anh Vũ Xuân T đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào tháng 8/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Ngọc D và anh Vũ Xuân T là hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xác định: Sau khi kết hôn trong quá trình chung sống thì từ năm 2016 vợ chồng chị D, anh T phát sinh mâu thuẫn, mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016, không còn quan hệ tình cảm; trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân, anh T cũng không có những biện pháp cụ thể để khắc phục mâu thuẫn, đoàn tụ vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh T. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, giải quyết cho chị D được ly hôn với anh T là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế giữa hai vợ chồng và đảm bảo đúng quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Vợ chồng chị D, anh T có 01 con chung là cháu Vũ Diệu N, sinh ngày 17/5/2014. Khi ly hôn, chị D, anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, theo đương sự trình bày và những tài liệu chứng cứ đã thu thập

thì cháu Vũ Diệu N được anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay thì chị D xác định từ 13/5/2018 chị D đã đón cháu N về bên gia đình bố mẹ đẻ tại Thủy Nguyên để nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại cháu N đang ở cùng với chị D; chị D có công việc và thu nhập ổn định và được gia đình mẹ đẻ tạo điều kiện về chỗ ở nên đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, trong vụ án này bị đơn là anh T không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa khi xét xử vụ án để Hội đồng xét xử làm rõ những vấn đề trong vụ án, tranh luận với nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung trong việc nuôi dưỡng, cần giao cháu Vũ Diệu N, sinh ngày 17/5/2014 cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

[5] *Về tài sản, nợ chung vợ chồng*: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Vì các lý trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ*: Điều 39 của Bộ luật dân sự. Điều 51, 56; 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

- *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc D*:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Ngọc D được ly hôn với anh Vũ Xuân T.

+ *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Ngọc D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Vũ Diệu N, sinh ngày 17/5/2014 kể từ tháng 6/2018 cho đến khi cháu Vũ Diệu N đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Vũ Xuân T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

+ *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ *Về án phí*: Chị Nguyễn Ngọc D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0001578 ngày 12/4/2018. Chị D đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6;7;9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

- Nơi nhận:

- + VKSND huyện Kinh Môn.
- + Chi cục THADS huyện Kinh Môn.
- + UBND thị trấn P, Kinh Môn.
- + Các đương sự.
- + Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa